

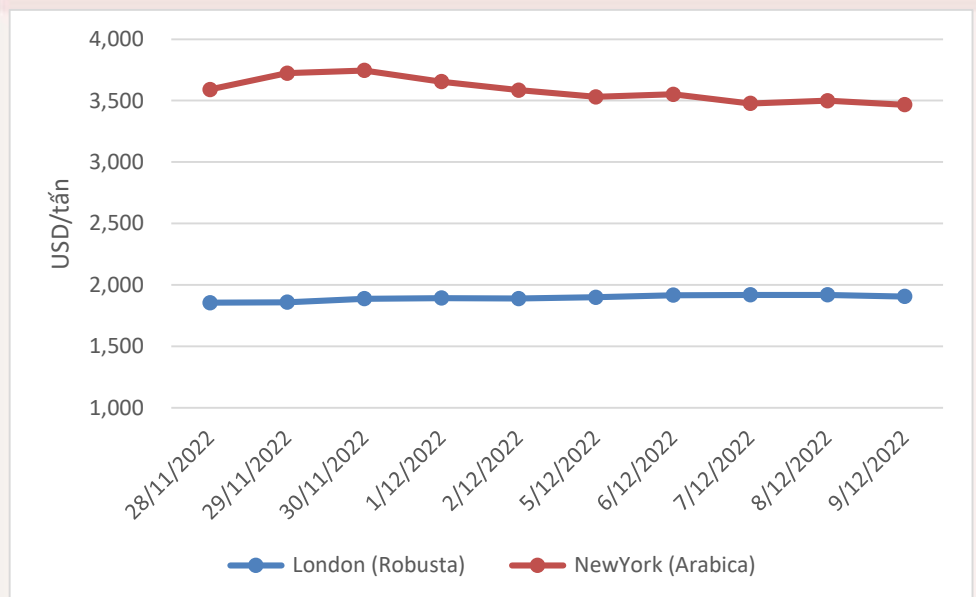


BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T01/2023 tăng 1,87% so với tuần trước lên mức bình quân 1.911 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 03/2023 giảm 4,24% so với mức giá tuần trước xuống mức bình quân 3.505 USD/tấn.
- ❖ Sản lượng cà phê của Colombia trong tháng 11 là 710.000 bao, thấp hơn 6,27% so với cùng tháng năm ngoái.
- ❖ Điều kiện thời tiết ở Mexico, Colombia và Trung Mỹ thuận lợi cho việc thu hoạch và sấy khô cà phê.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 01/2023 diễn biến tăng trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 1.911 USD/tấn, tăng 1,87% so với tuần trước, nhưng giảm 20,32% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.918 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.899 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 03/2023 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 3.505 USD/tấn, giảm 4,24% so với mức giá tuần trước và giảm 35,06% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.551 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 3.466 USD/tấn.

Liên đoàn người trồng cà phê Colombia cho biết sản lượng cà phê của nước này trong tháng 11 là 710.000 bao, thấp hơn 6,27% so với cùng kỳ năm ngoái, với tổng số 1.060.000 bao. Sản lượng cà phê lũy kế của nước này trong hai tháng đầu tiên của niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 là 568.000 bao, thấp hơn 22,57% so với cùng kỳ niên vụ cà phê trước đó với tổng 1.948.000 bao.

Xuất khẩu cà phê của Colombia trong tháng 11 là 281.000 bao, thấp hơn 24,76% so với cùng kỳ năm ngoái, với tổng số 854.000 bao. Xuất khẩu cà phê lũy kế của nước này trong hai tháng đầu tiên của niên vụ cà phê hiện tại từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 là 519.000 bao, thấp hơn 22,42% so với cùng kỳ niên vụ cà phê trước đó, với tổng số 1.796.000 bao.

Khi vụ cà phê mới từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024 bắt đầu, khí hậu ở Brazil vẫn thuận lợi với sự xuất hiện của những cơn mưa mùa xuân kéo dài đến tháng 10 thời tiết thuận lợi để hỗ trợ ra hoa cho vụ mùa tới. Trong khi độ ẩm trên mặt đất tăng lên do mưa, cao hơn mức trung bình trong khoảng 5 năm vừa qua.

Trong khi đó, điều kiện thời tiết ở Mexico, Colombia và Trung Mỹ được cho biết là thuận lợi cho việc thu hoạch và sấy khô cà phê. Các quốc gia này dự báo sẽ sản xuất tổng cộng 31,50 triệu bao cho niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023. Vụ thu hoạch của niên vụ cà phê từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 ước tính đã hoàn thành 60% và trong điều kiện thời tiết khô ráo, thuận lợi.

Trong cập nhật dự báo mới nhất, Hedgepoint Consultancy đã đưa ra báo cáo dự đoán sản lượng niên vụ cà phê 2022/2023 của Brazil là 59 triệu bao. Ước tính này thấp hơn khoảng 6,35% so với mức trung bình trung bình của các nhà dự báo độc lập dự đoán tổng sản lượng cà phê niên vụ 2022/2023 của Brazil là khoảng 63 triệu bao. Báo cáo cũng chỉ ra dự báo sơ bộ của Hedgepoints cho niên vụ cà phê Brazil niên vụ 2023/2024 cao hơn 13,38% so với niên vụ hiện tại, với tổng sản lượng 66,90 triệu bao, con số này bao gồm 45,40 triệu bao cà phê Arabica và

21,50 triệu bao cà phê Conilon Robusta. Mặc dù điều này thể hiện sự phục hồi trong sản xuất do có điều kiện thời tiết thuận lợi trên các vùng trồng cà phê chính, nhưng con số sản lượng sơ bộ cho niên vụ cà phê 2023/2024 thấp hơn 14% so với niên vụ kỷ lục 2020/2021. Trong khi đó, giai đoạn ra hoa của vụ này đang ở giai đoạn đầu và cần lưu ý tác động tiềm ẩn của hiện tượng thời tiết La Nina được dự báo có thể tiếp tục trong thời gian tới. Hiện tượng thời tiết này kéo theo điều kiện thời tiết khô hạn hơn đến các khu vực đông nam của Brazil, trong khi niên vụ cà phê 2023/24 sẽ cần lượng mưa ổn định để tiếp tục trong những tháng tới của niên vụ cà phê 2023/24.

Trung tâm Dự báo Khí hậu của Dịch vụ Thời tiết Quốc gia của Chính phủ Hoa Kỳ đã công bố một báo cáo cập nhật sửa đổi dự báo trước đó về điều kiện khí hậu La Niña. Báo cáo chỉ ra rằng các điều kiện thời tiết La Niña dự kiến sẽ tiếp tục trong suốt tháng 12, và có thể La Niña và El Niño Southern Oscillation (ENSO) sẽ diễn ra trong suốt tháng 1 đến tháng 3 năm sau.

Giá cà phê thế giới tiếp tục giảm. Nhu cầu tiêu thụ suy yếu do lo ngại về suy thoái kinh tế, hệ quả từ việc tăng lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát của các Ngân hàng Trung ương lớn. Điều này tạo áp lực lên người tiêu dùng, chi tiêu cho các loại hàng hóa không thiết yếu bị cắt giảm.

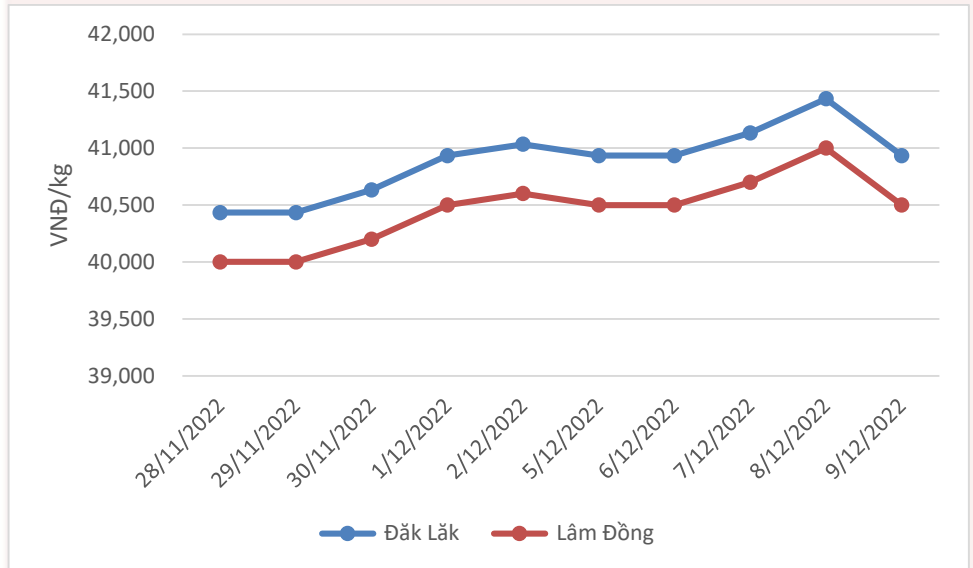
Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 ở mức 3,2%, trong đó 2 thị trường tiêu thụ cà phê lớn thế giới là Hoa Kỳ và châu Âu, kinh tế rơi vào suy thoái.

USDA điều chỉnh sản lượng Bra-xin giảm 2,6% xuống mức 62,6 triệu bao; sản lượng Côlômbia giảm 3,1% xuống mức 12,6 triệu bao; sản lượng cà phê của Việt Nam giảm 2,2% xuống mức 30,22 triệu bao (bao gồm 29,20 triệu bao cà phê Robusta, giảm 4,20% so với niên vụ 2021/2022 và 1,02 triệu bao cà phê Arabica, tăng 7,27% so với niên vụ 2021/2022).

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 41.073 đồng/ kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 40.640 đồng/kg.
- ❖ Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 0,24% so với tuần trước xuống mức 1.907 USD/tấn.
- ❖ Sản lượng cà phê niên vụ 2021-2022 đạt khoảng 1,73 triệu tấn, thay đổi không đáng kể so với niên vụ trước.
- ❖ Từ nay đến 2025, Đồng Nai thực hiện tái canh 1.600 ha cà phê. Trong đó, trồng tái canh 1.300 ha, ghép cải tạo 300 ha.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 41.073 đồng/kg, tăng 0,93% so với tuần trước nhưng giảm 1,39% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 0,94% so với tuần trước, lên mức bình quân 40.640 đồng/kg và giảm 0,73% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.907 USD/tấn, giảm 0,24% so với tuần trước.

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, sản lượng cà phê niên vụ 2021-2022 đạt khoảng 1,73 triệu tấn, thay đổi không đáng kể so với niên vụ trước. Diện tích vùng trồng không đổi với trên 600.000 ha. Niên vụ 2021 - 2022, thời tiết thuận lợi, mưa đúng thời điểm trong giai đoạn gieo trồng, ra hoa, thu hái nên cà phê có chất lượng tốt, đồng đều. Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết nếu năm 2011 khối lượng cà phê có chứng chỉ bền vững chỉ chiếm khoảng 10%, nay đã đạt từ 40 - 50%.

Ngành cà phê Việt Nam đã phát triển vượt bậc cả về diện tích, năng suất, sản lượng, từng bước xây dựng công nghiệp chế biến cà phê hiện đại, đa dạng sản phẩm, phù hợp thị hiếu thị trường. Nhiều tiến bộ đã được áp dụng vào sản xuất như: giống mới, kỹ thuật thâm canh, tưới nước tiết kiệm, trồng xen, thiết kế cảnh quan, sơ chế, bảo quản, sản xuất có chứng nhận và nhất là tái canh cà phê đã góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê.

Việt Nam đã hình thành công nghiệp chế biến cà phê nhân xuất khẩu, cà phê rang xay, cà phê hòa tan và hệ thống kho bảo quản 2,36 triệu tấn/năm.

UBND tỉnh Đồng Nai vừa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó, từ nay đến 2025, Đồng Nai thực hiện tái canh 1.600 ha cà phê. Trong đó, trồng tái canh 1.300 ha, ghép cải tạo 300 ha.

Mục tiêu là năng suất vườn cà phê sau khi trồng tái canh và ghép cải tạo ở thời kỳ kinh doanh ổn định đạt bình quân 3,5 tấn/ha/năm. Thu nhập từ mỗi ha cà phê sau khi trồng tái canh và ghép cải tạo tăng 1,5-2 lần so với trước khi tái canh.

Kế hoạch trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê tại Đồng Nai trong giai đoạn 2022-2025 sẽ tập trung vào các huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú và Định Quán.

Tổng diện tích trồng cây cà phê trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện còn khoảng 7.000 ha, chiếm gần 10% tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn.

Công ty Cổ phần Godere, ở thành phố Gia Nghĩa, đã xây dựng cho đơn vị sản phẩm cà phê riêng. Hiện nay, công ty đang phát triển được vùng trồng cà phê gần 30ha đạt chứng nhận hữu cơ tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu. Sản lượng cà phê nhân xô hàng năm của Công ty ước đạt khoảng 70 tấn. Công suất chế biến nhà máy của Công ty đạt 500 tấn/năm. Công ty đang kỳ vọng sẽ xuất khẩu cà phê sau chế biến sang các thị trường quốc tế. Tuy nhiên, về phía công ty vẫn đang gặp phải những rào cản nhất định.

Công ty đã có vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn hữu cơ Mỹ. Thế nhưng, nhưng khi giao thương với các đối tác nước ngoài, đơn vị vẫn chưa đáp ứng được các điều kiện cần thiết về sản phẩm, sản lượng. Công ty hướng tới hợp tác với các đơn vị có chuyên môn để xây dựng được quy trình sản xuất, chế biến cà phê hữu cơ đạt chuẩn quốc tế. Trong đó, Công ty muốn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, phân phối sản phẩm.

Tại Việt Nam, dù USDA dự báo sản lượng sẽ có sự giảm nhẹ, xuất khẩu Robusta niên vụ 2022/2023 vẫn có thể đạt 27,65 triệu bao, tăng

so với mức 27,42 triệu bao của niên vụ trước. Nguồn cung sẵn có trong khi nhu cầu tiêu thụ không bị ảnh hưởng quá mạnh bởi suy thoái sẽ tạo cơ hội cho việc đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này trong thời gian tới.

Với lợi thế là quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới, chiếm gần 38% sản lượng toàn cầu và cũng là nước xuất khẩu loại cà phê hòa tan lớn thứ 3 thế giới, sự chuyển dịch từ việc tiêu thụ cà phê hạt sang cà phê hòa tan cũng như cà phê có giá thành rẻ hơn như Robusta, là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu và chiếm lĩnh thị phần trên thị trường cà phê.

Sau sự tăng vọt của giá cước tàu biển do đứt gãy chuỗi cung ứng vì Covid-19, chi phí vận chuyển hàng hóa bằng loại hình này trong những tháng gần đây đang cải thiện nhanh chóng. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Theo dữ liệu từ Tổng cục Hải quan, giá cước tàu trong nước và vận chuyển quốc tế đang giảm rất nhiều, thậm chí tàu đi châu Âu giảm chỉ còn 900 USD, giảm sâu đến 50% so thời điểm giá tăng cao trong thời gian áp dụng các biện pháp phòng tránh sự lây lan của dịch.

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.theice.com/index>
2. <https://www.iandmsmith.com/>
3. <https://www.comunicaffe.com>
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. <https://giacaphe.com>
6. <https://www.comunicaffe.com/>
7. <https://giacaphe.com/67145/dong-nai-tai-can-1600-ha-ca-phe/>
8. <https://laodong.vn/kinh-doanh/nguoi-dan-dak-nong-khat-cong-nghe-che-bien-sau-nong-san-1123794.laod>
9. <https://baotintuc.vn/kinh-te/khoi-luong-ca-phe-ben-vung-chiem-tu-40-50-20221211130436298.htm>
10. <https://vinanet.vn/thi-truong1/huong-di-moi-cho-nganh-ca-phe-trong-giai-doan-kinh-te-kho-khan-763819.html>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	40.500	40.500	40.700	41.000	40.500	40.640	380
Bảo Lộc	40.500	40.500	40.700	41.000	40.500	40.640	380
Di Linh	40.500	40.500	40.700	41.000	40.500	40.640	380
Lâm Hà	40.500	40.500	40.700	41.000	40.500	40.640	380
ĐẮK LẮK	40.933	40.933	41.133	41.433	40.933	41.073	380
Cư M'gar	41.000	41.000	41.200	41.500	41.000	41.140	380
Ea H'leo	40.900	40.900	41.100	41.400	40.900	41.040	380
Buôn Hồ	40.900	40.900	41.100	41.400	40.900	41.040	380
GIA LAI	40.933	40.933	41.133	41.433	40.933	41.073	380
Pleiku	40.900	40.900	41.100	41.400	40.900	41.040	380
Chư Prông	41.000	41.000	41.200	41.500	41.000	41.140	380
La Grai	40.900	40.900	41.100	41.400	40.900	41.040	380
ĐẮK NÔNG	41.050	41.050	41.250	41.450	40.950	41.150	420
Đắk R'lấp	41.000	41.000	41.200	41.400	40.900	41.100	420
Gia Nghĩa	41.100	41.100	41.300	41.500	41.000	41.200	420
KON TUM	41.000	41.000	41.200	41.400	40.900	41.100	340
Đắk Hà	41.000	41.000	41.200	41.400	40.900	41.100	340
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	1.906	1.916	1.907	1.898	1.906	1.907	-5

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO** **INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn